

Bản án số: 1045/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-10-2018
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lại Thị Đắc

2. Bà Nguyễn Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 425/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1970

Địa chỉ: Đường L, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trương Tuấn V1, sinh năm 1969

Địa chỉ: Đường L, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Tuấn V1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 035 quyền số 01/90 ngày

12/5/1990 cấp). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau một thời gian chung sống giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V1 thường hay nhậu nhẹt về chửi bà và các con, đôi khi còn ra tay đánh bà, hạnh phúc càng ngày càng rạn nứt, mặc dù bà và ông V1 đã có ra phường hòa giải nhưng không đạt được kết quả. Bà và ông V1 đã sống ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Hiện tại ông bà mặc dù sống chung nhà nhưng không ai quan tâm ai và ông V1 cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà. Thời gian gần đây ông cũng tiếp tục nhậu về đánh đập bà. Vì vậy, bà nhận thấy không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với ông V1 được nữa, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Tuấn V1.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung là trẻ Trương Tuấn V2, sinh ngày 03/02/1991 và trẻ Trương Anh K, sinh ngày 18/3/1996 các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Tuấn V1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông V1 không đến, vì vậy Tòa án tiến hành thủ tục để xét xử vắng mặt ông Trương Tuấn V1 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà Nguyễn Thị Kim P có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn bà vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, về con chung tài sản chung, nợ chung bà vẫn giữ yêu cầu như đơn khởi kiện.

Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán theo đúng quy định tại Điều 48, Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim P và ông Trương Tuấn V1 có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp, trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến ly thân và có yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Trương Tuấn V2, sinh ngày 03/02/1991 và trẻ Trương Anh K, sinh ngày 18/3/1996 các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

- Nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí ly hôn: Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì vậy việc bà P có đơn yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Kim P và ông Trương Tuấn V1 có đăng ký kết hôn, bà P yêu cầu ly hôn với ông Việt xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “Tranh chấp ly hôn”.

Hiện nay, bị đơn ông Trương Tuấn V1 đang cư trú tại Quận 8, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục vắng mặt:

Bà Nguyễn Thị Kim P là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án không có sự tham gia của bà; Bị đơn ông Trương Tuấn V1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 035 quyền số 01/90 ngày 12/5/1990 Tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cùng lời khai của bà P về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà P và ông V1 là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà P, Hội đồng xét xử thấy rằng từ lời khai của bà P cho rằng trong quá trình kết hôn thời gian đầu cuộc sống của ông bà có hạnh phúc, sau đó thì giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông V1 thường hay bỏ bê công việc, nhậu về thường đánh đập bà và chửi các con vô cớ. Hiện tại ông V1 thường xuyên ở nhà, mỗi khi nhậu về lại đánh đập bà trong cuộc sống không lo cho bà và các con, dù bà P đã nhiều lần tha thứ nhưng ông V1 vẫn không sửa chữa lỗi lầm, bà và ông V1 tuy sống chung nhà nhưng đã ly thân khoảng hơn 01 năm nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đó cũng là quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Ông V1 dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để mời ông cùng bà P hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng ông V1 vẫn không đến. Bên cạnh đó ông V1 và bà P tuy sống chung nhà nhưng không ai quan tâm nhau, đều đó cho thấy tình cảm giữa ông V1 và bà P đã không còn, ông bà cũng không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm tổn thương tình cảm của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà P yêu cầu được ly hôn với ông V là có căn cứ chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông V1 và bà P có 02 con chung là Trương Tuấn V2, sinh ngày 03/02/1991 và Trương Anh K, sinh ngày 18/3/1996 các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung: Bà P cho rằng có tài sản chung nhưng ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà P cho rằng không có, mặt khác ông V1 không có mặt nên nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu (theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P về việc xin ly hôn với ông Trương Tuấn V.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim P được ly hôn với ông Trương Tuấn V1.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 035 quyền số 01/90 ngày 12/5/1990 Tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

- Về con chung: Có 02 con chung là Trương Tuấn V2, sinh ngày 03/02/1991 và Trương Anh K, sinh ngày 18/3/1996 các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung: Bà P cho rằng có tài sản chung nhưng ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà P cho rằng không có, mặt khác ông V1 không có mặt nên nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0014611 ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Tuyết Lạnh